

LÀM GÌ ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TU BỔ BẢO TỒN TÔN TẠO DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA

ĐOÀN BÁ CỬ

Di tích lịch sử văn hoá, phân trọng yếu của di sản văn hoá Việt Nam, là tài sản quý giá của cộng đồng dân tộc Việt Nam, nó có vai trò to lớn trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước ta trong hội nhập và phát triển. Chính vì thế, yêu cầu bảo tồn gắn bó và hài hoà với phát huy giá trị là tất yếu khách quan trong thời đại mới.

Bức tranh không phải màu xám

Từ khi có *Luật di sản Văn hoá* (Luật DSVH), các hoạt động bảo vệ, tu bổ tôn tạo di tích từng bước tuân thủ chặt chẽ hơn các quy định của pháp luật. Nhờ sự quan tâm của Nhà nước và toàn xã hội, các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đến đóng góp của các tổ chức và nhân dân nhiều hơn. Các lực lượng tham gia và chi phối đến chất lượng bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hoá cũng nhiều hơn. Phân cấp quản lý nhà nước cũng mở rộng hơn. Năm 2008 chỉ riêng vốn chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá đã chi cao nhất từ trước đến nay, hơn 300 tỷ cho 74 dự án đầu tư bảo tồn tôn tạo di tích và hỗ trợ chống xuống cấp hoặc bảo quản 219 di tích khác. Trong 293 dự án lớn/nhỏ đó, các địa phương quản lý đầu tư tới 291 di tích. Thêm vào đó, các nguồn vốn địa phương và xã hội hoá khác cũng không phải là con số nhỏ, thường sự đóng góp này tập trung vào các di tích không nhận được nguồn ngân sách từ Trung ương.

Nếu tính tổng số đã kiểm kê hơn 40.000 di tích, trong đó có chừng 8.350 di tích được xếp hạng từ cấp quốc gia đến cấp tỉnh, thì con số di tích được đầu tư và giá trị đầu tư còn rất bé nhỏ. Nhưng với nguồn vốn ấy, nhiều trăm di tích đã

được tu bổ chống xuống cấp và tôn tạo ở các mức độ khác nhau. Nếu không có chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá, nếu không có các đơn vị chuyên ngành hợp lực trong mấy chục năm qua thì biết bao di tích sẽ chỉ còn là phế tích. Những kết quả ấy đã đóng góp vào bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, vào phát triển kinh tế xã hội và giáo dục truyền thống về bản sắc Việt Nam. Điều đó là khẳng định và là mảng màu chủ đạo, tươi sáng trong bức tranh tu bổ di tích gần đây. Những kết quả ấy không thể tính bằng tiền, nhưng nếu tính bằng tiền thì riêng Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế đã có số thu hơn 80 tỷ đồng năm 2008. Tuy nhiên, tình trạng và giá trị các di tích khác nhau, yêu cầu bảo tồn tôn tạo khác nhau, mức độ đầu tư khác nhau, trình độ quản lý khác nhau, trình độ thực hiện khác nhau thì tất nhiên chất lượng tu bổ bảo tồn không thể giống như nhau. Có tốt, có tốt vừa và có chưa tốt lắm là không tránh khỏi. Nhưng, từ những góc nhìn, những lượng thông tin và quan điểm khác nhau, nhiều ý kiến trên một số tờ báo đã vẽ nên một bức tranh bi quan thiên về màu xám trong tu bổ tôn tạo di tích, thậm chí có nhiều quy kết nặng nề.

Tạm chưa bàn đến đúng sai của từng ý kiến, từng bài báo với từng dự án. Nhưng có thể thấy ngay, nhiều tâm huyết, trách nhiệm, yêu cầu cao xen lẫn chút hoài niệm và ngộ nhận về niên đại, về cách hiểu bảo tồn nguyên trạng tuyệt đối. Khoa học bảo tồn hiện đại phân chia các di tích thành di tích sống và di tích chết. Các di tích lịch sử văn hoá Việt Nam hầu hết không phải chỉ là thành tựu của một thời kỳ và

phần lớn đều là di tích sống. Tự cổ xưa cứ hư hại thì sửa chữa, đổ thì dựng lại, cần phải di dời thì dịch chuyển, di tích Việt không nhất thành bất biến và đến nay hầu hết vẫn đang sống với chức năng từ bao đời của nó, sống với tâm linh gắn kết với nó và sống trong công cuộc phát triển đi lên của dân tộc. Bảo tồn không phải là hoá cứng, đóng băng vĩnh cửu cho quá khứ. Vì thế, yêu cầu bảo tồn luôn gắn bó với phát huy giá trị. Vật liệu có sức bền hữu hạn, đã tu bổ ắt phải xử lý kỹ thuật và thay thế. Di tích Việt cần tu bổ để bảo tồn, cần gìn giữ tối đa yếu tố gốc, cần tính chân xác khi thay thế, phục hồi và bảo tồn tinh thần, hồn cốt chứ không thể chỉ bảo tồn nguyên trạng "cái vật thể" theo nghĩa tuyệt đối, càng không thể không tu bổ để bảo tồn di sản. Điều đó là khách quan, là khoa học, là lịch sử và là kế thừa truyền thống. Trong khi nguy cơ và tình trạng di tích bị tổn hại giá trị qua tu bổ hoặc qua triển khai các dự án liên quan là có thật; Tình trạng vi phạm Luật Xây dựng, Luật DSVH và hệ thống quy chế trong sử dụng và tu bổ di tích là có thật; Tình trạng Luật DSVH, Luật Xây dựng cùng hệ thống pháp luật liên quan chưa đáp ứng được yêu cầu khoa học và thực tiễn về DSVH Việt Nam cũng là có thật. Tu bổ di tích là một chuyên ngành vừa có tính khoa học vừa có tính văn hoá cao. Không phải khi di tích chưa được tu bổ thì đồng thanh bá ứng rằng di sản cực kỳ quý giá đã xuống cấp nặng nề, đang đứng trước nguy cơ sập đổ, cần đầu tư cấp bách. Còn khi vừa hạ giải theo qui trình tu bổ đã kêu là phá hoại và khi tu bổ xong thì kết tội làm mới di tích. Những yêu cầu, quan điểm, phương án khác nhau trong bảo tồn di tích đã và sẽ còn cọ xát với nhau trong quá trình tu bổ và quá trình phát triển kinh tế xã hội. Sự tham gia phản biện xã hội, dân chủ tích cực trong tu bổ tôn tạo di tích vừa qua chính là sự quan tâm của toàn xã hội là nét sáng, là sức sống trong bảo tồn di tích. Cũng như nhiều ngành khác, tu bổ di tích Việt Nam đã tiếp thu nhiều thành tựu của thế giới mà vẫn kế thừa truyền thống của dân tộc trong bảo tồn di tích và tu bổ di tích. Ngày nay có Luật DSVH, quy chế, quy trình, nên các dự án lớn đều đã tuân thủ và được Hội đồng khoa học xem xét trước khi quyết định tu bổ. Ta làm như vậy và Nhật Bản cũng làm như vậy. Điều đó, cùng với những thành công, thành tựu đạt được từ khi có chương trình mục tiêu quốc gia, có Luật DSVH

Đoàn Bá Cử: *Làm gì để nâng cao...*

đến nay đã làm nên bức tranh thiên về tươi sáng trong bảo tồn và phát huy giá trị DSVH. Tuy nhiên, việc soi xét, tìm nguyên nhân chưa tốt trong toàn hệ thống chi phối công tác tu bổ di tích thời gian qua, để nâng cao chất lượng bảo tồn và phát huy giá trị di tích, là cần thiết.

Những ai có trách nhiệm trong dự án tu bổ tôn tạo di tích

Chất lượng bất cứ dự án nào cũng chi phối bởi con người và tiềm lực vật chất, điều kiện thực hiện. Trong một dự án sửa chữa nâng cấp công trình bình thường, yếu tố con người chỉ gồm: người quản lý (ông chủ), người thực hiện, bao gồm cả thiết kế, nhà thầu thi công, sự chấp nhận của người quản lý đô thị nếu có quy định của thành phố. Nâng cấp công trình và sự thành công hay không của công trình thường được quy công cho người chủ trì thiết kế- kiến trúc sư của công trình. Hầu như không ai nghĩ đến vai trò thi công- chỉ là người buộc phải theo những gì của thiết kế và người chủ yêu cầu. Song, đi vào bản chất của vấn đề, rất nhiều người ủng hộ quan điểm của một kiến trúc sư người Pháp, một bậc thầy ở thế kỷ XX- Le Corbusier khi ông đánh giá "không có kiến trúc sư giỏi, chỉ có ông chủ thông minh" ở những công trình thành công. Đúng như vậy, không có ông chủ quyết định sẽ không có lao động trí tuệ hay cơ bắp của các loại nhà thầu để kết tinh ra sản phẩm. Chỉ có ông chủ là người đặt ra yêu cầu về hàng hoá, đặt hàng ai làm và chấp nhận mua sản phẩm công trình độc bản, bất kể đó là công trình xây dựng hay công trình tu bổ di tích.

Trong quản lý tu bổ tôn tạo cũng như vậy, song vấn đề phức tạp hơn nhiều.

Tu bổ di tích không giống như đầu tư xây dựng cải tạo công trình. Vấn đề mà rất nhiều người băn khoăn là nó lại được lập thành dự án đầu tư và được quản lý theo các quy định của Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu. Nhưng hãy tạm bỏ qua những nhân tố rất quan trọng là khả năng nguồn lực, công nghệ, tư liệu và hệ thống luật pháp để tập trung vào những người vận hành sử dụng nó.

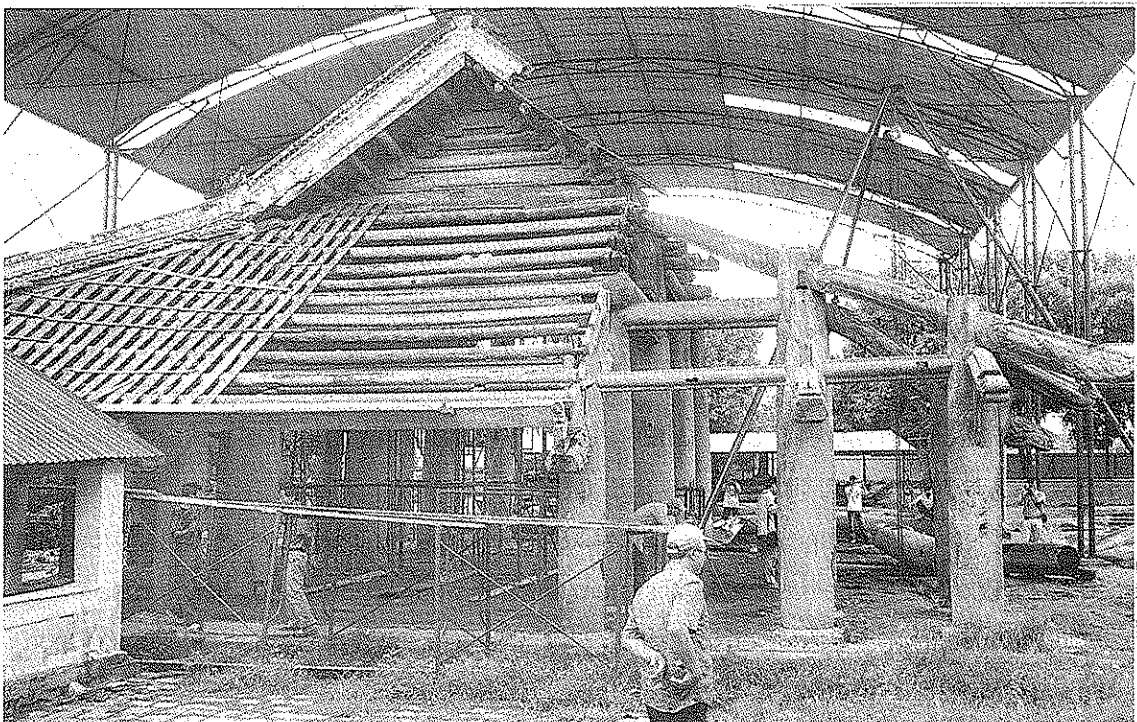
Trước hết là ông chủ, hay những người làm chủ trực tiếp, có quyền tham gia và chi phối. Xét về luật pháp thì chính là Nhà nước, mà Nhà nước là một hệ thống nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều con người. Từ cán bộ cấp cao, đến cán bộ cấp thấp về kế hoạch tài chính, xây dựng,

văn phòng... đều có quyền đại diện cho Nhà nước. Quản lý nhà nước về di sản, ở trung ương trách nhiệm thuộc về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, ở địa phương là UBND cấp tỉnh đến cấp xã, phường. Nhưng quản lý nhà nước về đầu tư thì gần như toàn bộ là UBND các cấp (như đã trình bày ở phần trên trong 293 dự án tu bổ di tích). Về chủ đầu tư hoặc người thực hiện chức năng chủ đầu tư còn phong phú hơn nữa. Có thể là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc UBND cấp dưới; có thể là một Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng trực thuộc các UBND, trực thuộc các sở; cũng có thể là tổ chức khác, tổ chức tôn giáo, chủ sử dụng công trình di tích hoặc là ông từ, nhà sư trụ trì, người trông coi di tích. Đó chính là những người trực tiếp chi phối, điều hành mọi dự án bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị DSVH. Bên cạnh Nhà nước còn có nhân dân, mà trực tiếp là cộng đồng dân chúng bản địa, nhà tu hành, nhà công đức, người quan tâm vô cùng đông đảo... đều ít nhiều chi phối đến một dự án bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Trong những tổ chức và con người này chắc chắn có rất nhiều người có tâm huyết và năng lực quản lý với đầu tư xây dựng và di sản văn hoá nói chung, nhưng quan điểm rất khác nhau và ít tính chuyên sâu. Chúng ta rất dễ dàng nhận thấy, UBND các cấp có nhiệm vụ trọng tâm là kinh tế. Ngay cả Sở

Văn hoá, Thể thao và Du lịch cũng có nhiệm vụ kinh tế và phải dành mối quan tâm nhiều hơn đến văn hoá phong trào, chứ chưa thể lo nhiều cho tầng văn hoá lắng sâu.

Theo quy định của Luật DSVH, mọi công việc tu bổ tôn tạo di tích đều phải lập thành dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mọi dự án với di tích quốc gia đều phải có văn bản thoả thuận của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, mọi thiết kế tu bổ phải có thoả thuận của Cục Di sản văn hoá. Với những dự án quan trọng, lãnh đạo Bộ và Cục Di sản văn hoá thường nhờ sự tham gia của một Hội đồng khoa học quốc gia, bao gồm những nhà khoa học chuyên ngành có uy tín, chứ không phải chỉ trông vào một số chuyên viên của Bộ. Việc chấp hành nghiêm quy định này đã nâng cao chất lượng của dự án bảo tồn di tích trước khi UBND các cấp ra quyết định thực hiện. Tuy nhiên, việc thực hiện quy định này mới chỉ nghiêm ở những di tích có được đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia hoặc những dự án lớn là chính. Nhưng khi đã có thoả thuận rồi, tiếp thu sửa đổi và quyết định ra sao vẫn còn thuộc về chủ đầu tư và chính quyền địa phương thực hiện như trong đầu tư xây dựng khác.

Về người tư vấn: Những tổ chức tư vấn thực hiện nghiên cứu lập dự án đầu tư, tổ chức tư vấn thiết kế, tổ chức tư vấn thẩm tra, tư vấn



Công trường tu bổ thực nghiệm đình Chu Quyến, Hà Nội
- Ảnh: Đạt Thức

giám sát hoặc quản lý dự án, tuy có rất nhiều, nhưng tới nay trong số họ vẫn không có nhiều đơn vị chuyên ngành. Họ phải cạnh tranh theo luật định và nếu may mắn được lựa chọn ký hợp đồng phải thực hiện theo chỉ đạo. Tác phẩm đã tiếp thu chỉ đạo của họ lại phải qua thẩm định, thẩm tra, thoả thuận theo Luật DSVH và phê duyệt bởi cấp quyết định đầu tư. Trong khi yêu cầu khoa học rất cao, thì đơn giá cho công tác tư vấn dự án tu bổ di tích thật ít ỏi, được tính vào hạng công trình cấp IV trong ngành xây dựng. Công việc tư vấn thiết kế với công trình tu bổ di tích chỉ có thể hoàn thiện đồng hành với thi công tu bổ, ít nhất cũng chỉ hoàn thành tương đối tin cậy sau khi hạ giải toàn bộ công trình. Thế nhưng, nó lại bị cắt xẻ ra bởi quy định như xây dựng là nhà thầu khác, tức là “anh” mới đang khám bệnh dở dang đã bị chuyển giao cho thầy thuốc khác theo cái chẩn đoán ban đầu để chữa bệnh, thì khó mà con bệnh được điều trị thật là hoàn hảo. Tác giả bài này và nhiều nhà nghiên cứu khác đã viết nhiều về vấn đề này. Trách nhiệm này thuộc về ai và có thể sửa chữa được không là khá rõ.

Còn người thi công: Càng có nhiều (về số lượng) nhà thầu thì càng có ít đơn vị chuyên ngành. Song, dù chuyên ngành hay không họ đều được đối xử bình đẳng và phải cạnh tranh đấu thầu theo luật. Mà trọng tâm của Luật đấu thầu là cạnh tranh về giá bỏ thầu. Giá thấp nhất thì thắng và thắng rồi thì phải lo cho cả kinh tế và kỹ thuật để đừng thua lỗ. Họ ở tầng bậc thấp nhất trong một dự án tu bổ di tích. Họ phải thực sự bỏ tiền ra làm, phải tiếp thu đủ mọi tầng chỉ đạo, tư vấn, kiểm tra và phải lo chuyện sống còn cùng với lo cho di tích. Ấy thế mà, dường như thấy hay thì không mấy ai nhớ đến, còn thấy khác với quan niệm của mình, thì đa phần người ta đổ hết cho người thi công tu bổ.

Làm gì để nâng cao chất lượng bảo tồn di tích

Đến đây có thể nói rằng, trước nhất, cần phải hoàn thiện luật pháp và hệ thống quy chế quy trình theo hướng coi trọng tính đặc thù, vừa đa diện, vừa chuyên sâu của công tác tu bổ phục hồi di tích. Trong đó lại phải có những yêu cầu thích ứng với những đặc điểm giá trị di tích khác nhau thuộc mọi loại hình. Không thể ứng xử với di tích như một dự án đầu tư xây dựng. Các cụ ta xưa không đấu thầu. Hiện nay cũng không quá ít cấp chính quyền địa phương đã lựa chọn để chỉ định thầu tu bổ di tích, kể cả đơn vị chuyên ngành vừa thiết kế vừa thi công (gói thầu EPC theo Luật Xây dựng) là đã đi theo đúng hướng này. Ở Nhật Bản, các công trình tu bổ di tích thường được giao cho tổ chức chuyên ngành cùng với việc lựa chọn đích danh một kiến trúc sư có kinh nghiệm thực hiện hoàn chỉnh từ khâu khảo sát nghiên cứu, thiết kế đến chỉ đạo thi công tu bổ phục hồi. Trong quá trình ấy, đương nhiên là các cơ quan quản lý nhà nước phải theo dõi, kiểm tra và ra quyết định cần thiết. Tiến độ thi công cũng là tiến độ tiếp tục nghiên cứu của họ thường khá dài và cần trọng. Trong khi của ta thì đã theo khung thời gian dự án như xây dựng bình thường, lại phải kịp lễ hội hoặc phải chào mừng một ngày nào đó.

Thứ hai là phải làm sao để từng nét ký, từng nét vẽ, từng nhát đục, từng hành vi quản lý, tham vấn hoặc thực hiện tu bổ những công trình của tổ tiên đều đủ tấm nhận thức, với tấm lòng thành kính và xuất phát từ cơ sở thực tiễn nước ta.

Làm được những điều này không phải việc của một ngành, một địa phương và không thể ngày một ngày hai. Một vài đóng góp nhỏ xin được các bậc trí giả và người biết lo cho di sản ghi nhận để cùng góp phần nâng cao chất lượng bảo tồn phát huy giá trị của di tích./.

D.B.C

ĐOÀN BÁ CỬ: WHAT TO DO TO IMPROVE THE QUALITY OF CONSERVATION AND PRESERVATION OF CULTURAL AND HISTORICAL MONUMENTS?

From experiences of ancient people in restoration of cultural heritage, in connection with modern technology, on the basis of legal system and with world vision, the author discusses how the work of monuments restoration in Vietnam takes place nowadays. He also mentions responsible parties and the nature of this work.